



ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ NGÀNH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, tháng 7 năm 2013

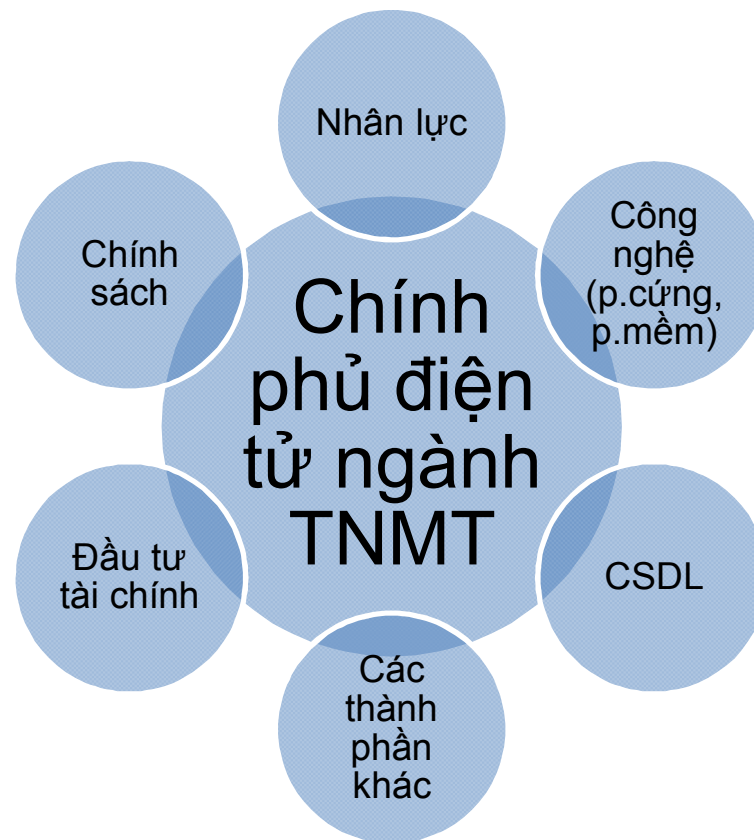
Nội dung

- I. *Ứng dụng CNTT trong ngành TN&MT, thực hiện lộ trình chính phủ điện tử trong ngành Tài nguyên và Môi trường*
- II. *Các thành phần của chính phủ điện tử ngành Tài nguyên và Môi trường*
- III. *Kế hoạch thực hiện chính phủ điện tử ngành Tài nguyên và Môi trường*
- IV. *Những kết quả bước đầu*
- V. *Chính phủ điện tử phục vụ công tác quản lý ngành Tài nguyên và Môi trường*
- VI. *Bài học kinh nghiệm*
- VII. *Kiến nghị*

I. Ứng dụng CNTT trong ngành TN&MT, thực hiện lộ trình chính phủ điện tử (CPĐT) trong ngành TN&MT

- *Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý điều hành được hiểu thế nào cho đúng? Đó là các tác nghiệp trong quy trình quản lý, điều hành của cơ quan được tin học hóa, là một phần quan trọng của chính phủ điện tử, liên quan đến hầu hết cán bộ, công chức trong ngành.*
- *Xác định Chính phủ điện tử trong ngành TNMT thực hiện các công việc gì?*
 - ✓ *Công tác quản lý nhà nước 7 lĩnh vực do Bộ TN&MT quản lý bao gồm: Tài nguyên đất, tài nguyên nước, địa chất khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ, biển và hải đảo được thực hiện trên môi trường mạng.*
 - ✓ *Các tác nghiệp giữa công chức, viên chức trong ngành TNMT; giữa các tổ chức của ngành TNMT với người dân, doanh nghiệp được thực hiện trên hệ thống máy tính và các thiết bị đầu cuối*

II. Các thành phần của Chính phủ điện tử ngành TN&MT



III. Kế hoạch thực hiện CPĐT ngành TN&M

Năm 2004, Bộ TN&MT đã trình và được Chính phủ phê duyệt Chiến lược ứng dụng và phát triển CNTT đến 2015 và định hướng đến năm 2020 ngành TN&MT (Quyết định số 179/2004/QĐ-TTg), đã xác định rõ lộ trình CPĐT ngành TN&MT

. Từ 2004 đến 2010: Chuyển đổi các văn bản điều hành, các dữ liệu quan trắc từ dạng giấy qua dạng số; từng bước tin học hóa các nghiệp vụ quản lý hành chính nhà nước, chuẩn hóa dữ liệu, xây dựng CSDL chuyên ngành; đổi mới công nghệ, tiến tới thu nhận các dữ liệu quan trắc bằng công nghệ số; xây dựng và áp dụng các phần mềm ứng dụng để xử lý các bài toán chuyên ngành; thực hiện giao lưu trực tuyến định kỳ với công dân.

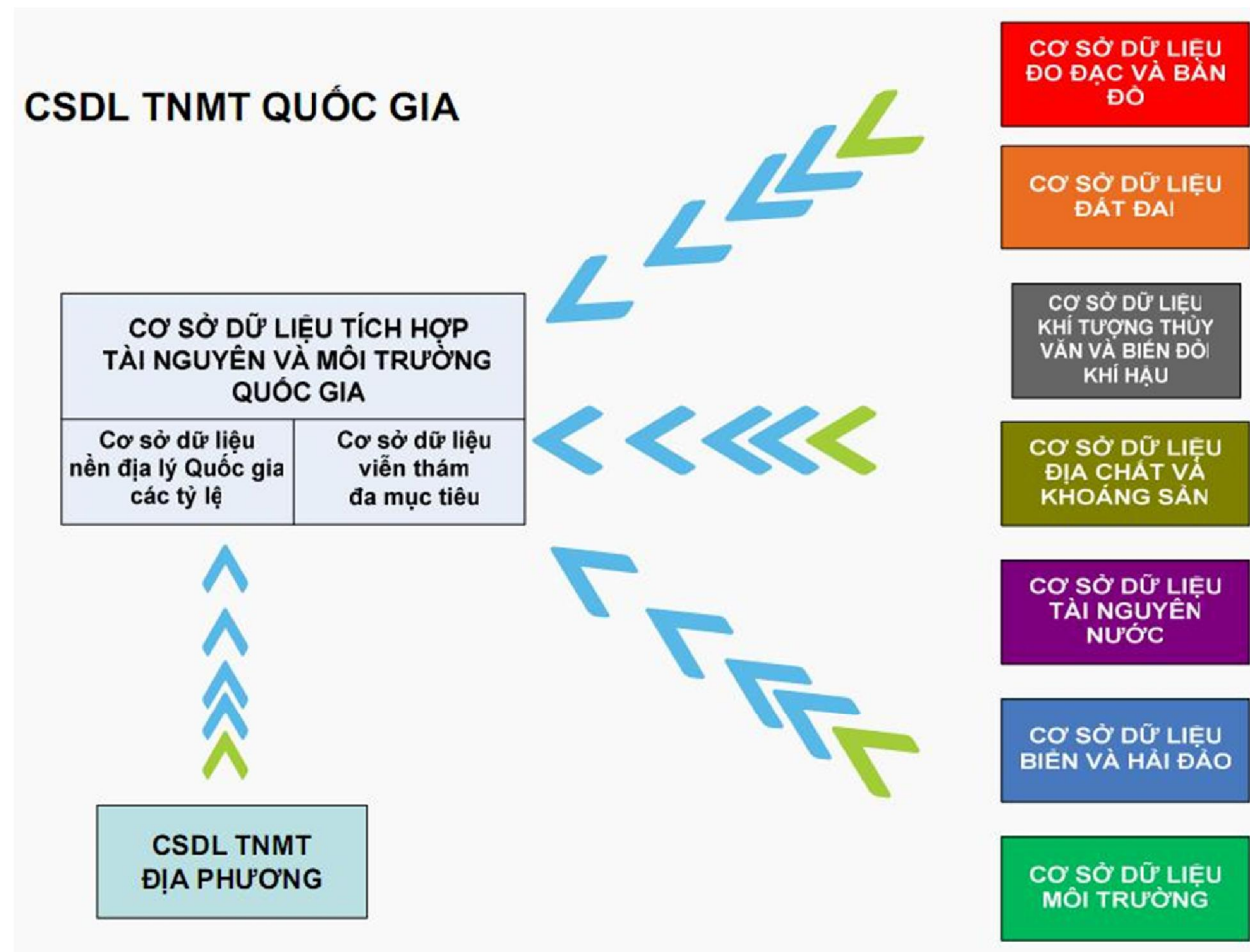
. Từ 2010 đến 2015: Xây dựng, vận hành hệ thống mạng thông tin ngành TN&MT phục vụ công tác quản lý điều hành trong toàn ngành, cung cấp thông tin cho công dân thông qua cổng thông tin điện tử, website của ngành; xây dựng CSDL quốc gia về TN&MT trên cơ sở tích hợp các CSDL chuyên ngành; tự động hóa việc thu nhận số liệu quan trắc, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đa phần ở mức 2, còn lại ở mức 3,4; Tổ chức các cuộc họp, lấy ý kiến của công dân qua hội nghị truyền hình. Thực hiện xác thực chữ ký số.

. Từ 2015 đến 2020: Hoàn thiện hệ thống mạng thông tin, CSDL và các phần mềm ứng dụng, đảm bảo mọi hoạt động của ngành hoàn toàn trên môi trường mạng, Các dịch vụ công trực tuyến phần lớn ở mức 4, còn lại ở mức 3.

IV. Những kết quả bước đầu

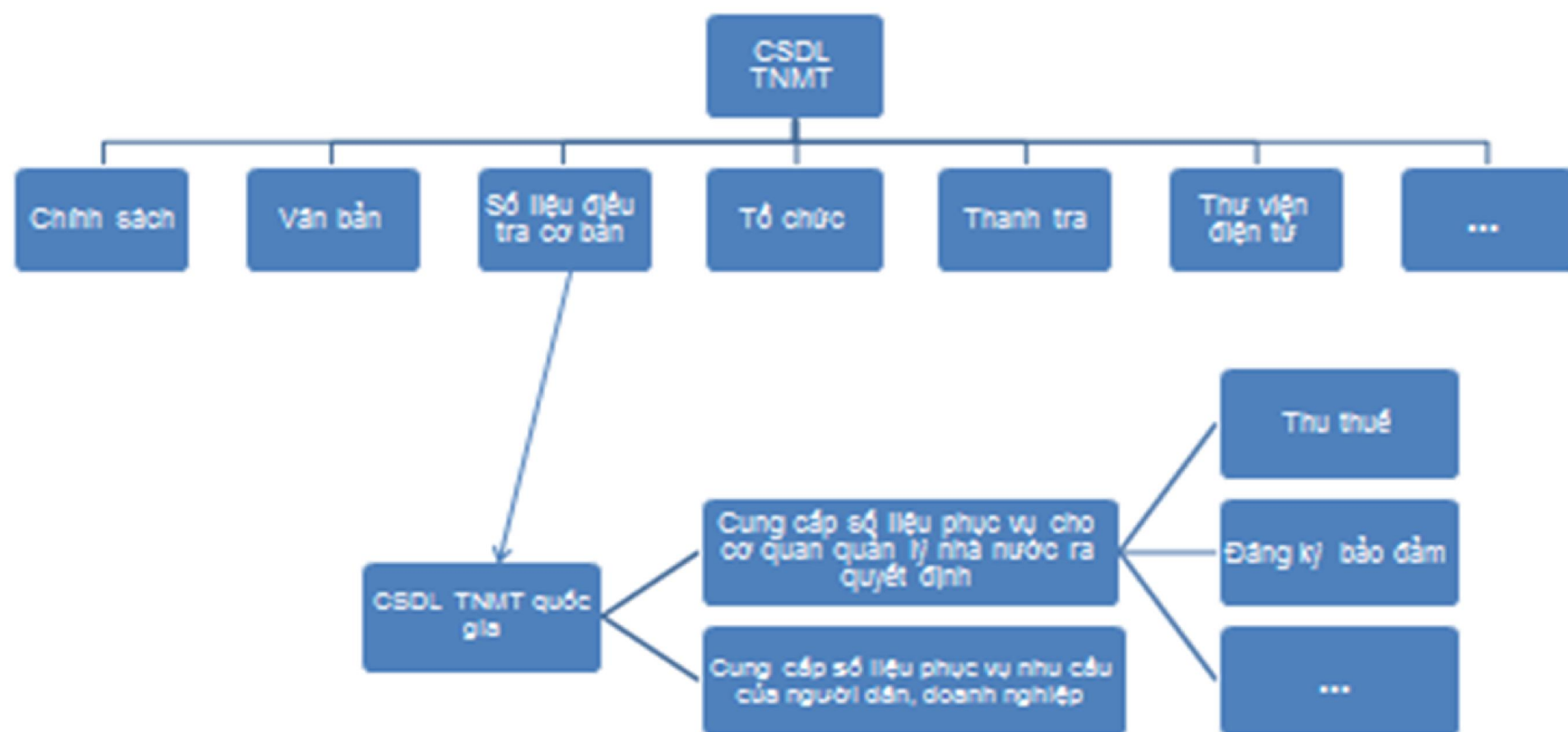
- Công tác quản lý hệ thống văn bản của Bộ TN&MT và 2/3 sở TN&MT các tỉnh đã thực hiện qua hệ thống mạng, 100% công chức sử dụng Email trong công tác.
- Mạng thông tin của ngành đã kết nối được đến nút cấp 2, riêng lĩnh vực khí tượng thủy văn đã kết nối với nút cấp 3. Các cuộc họp trong ngành, lấy ý kiến dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, trả lời ý kiến của công dân thực hiện qua hội nghị truyền hình, giao lưu trực tuyến.
- CSDL quốc gia về TN&MT đang hình thành dựa trên cơ sở số liệu đã được chuẩn hóa và tích hợp các số liệu từ CSDL chuyên ngành. Đang xây dựng CSDL TCCB và CSDL Thanh tra, đã xây dựng xong trung tâm DL ngành.
- Đã xây dựng được một số phần mềm dùng chung và chuyển giao cho các đơn vị trong Bộ và các sở TN&MT các tỉnh sử dụng.
- Đã xây dựng được hệ thống chuyên trách về CNTT trong ngành từ TƯ đến địa phương và đào tạo được đội ngũ CNTT (trên 1000 người).
- Đã ban hành được các văn bản về hướng dẫn quản lý, khai thác thông tin, ứng dụng CNTT, tiêu chuẩn kỹ thuật, thẩm định, kiểm tra nghiệm thu, định mức, đơn giá sản phẩm CNTT để áp dụng thống nhất trong ngành TNMT.

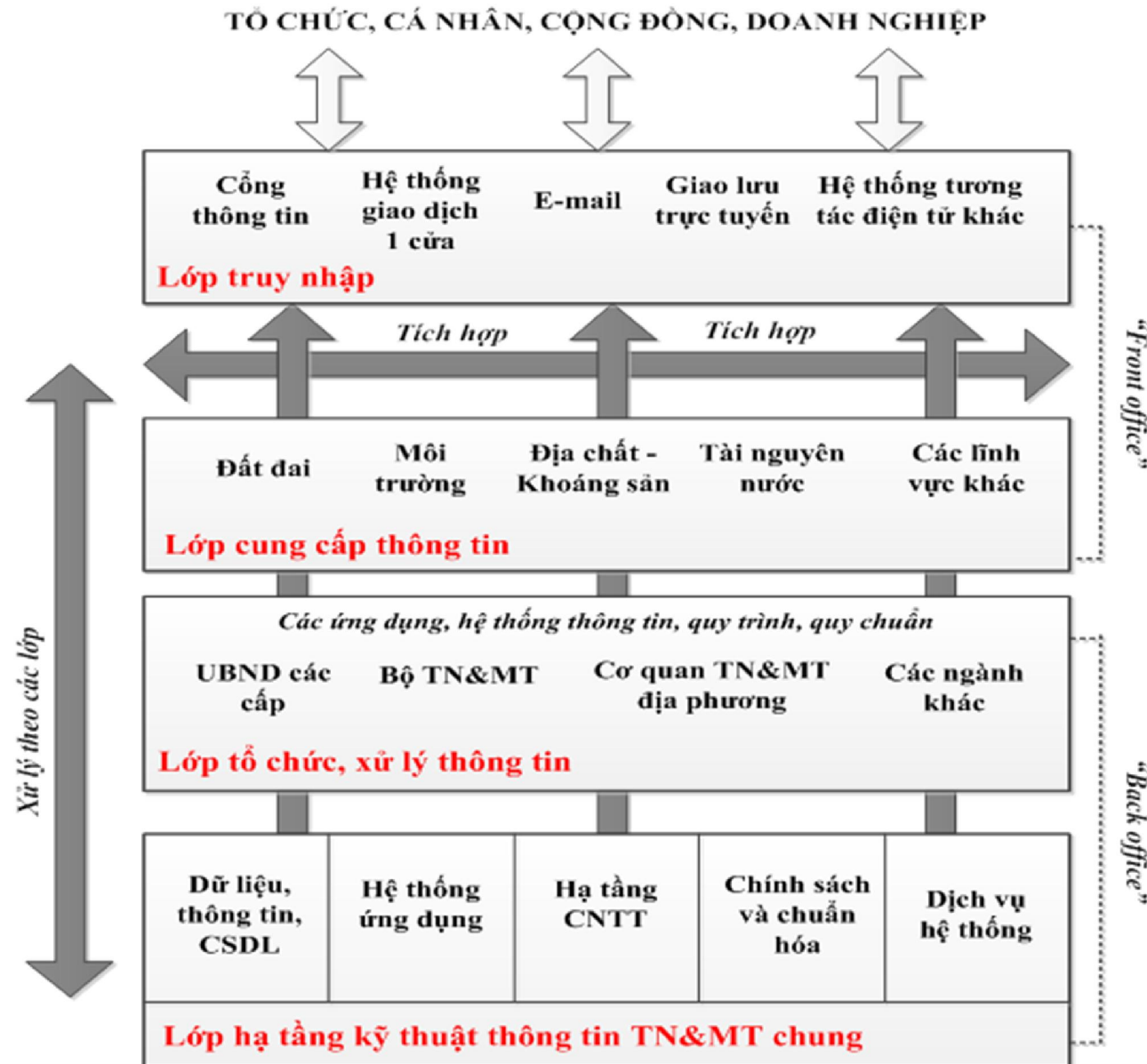
Giới thiệu hệ thống CSDL QG về TNMT



Mô hình tổ chức CSDL quốc gia về TNMT

Nội dung CSDL tài nguyên môi trường





V. Chính phủ điện tử phục vụ công tác quản lý ngành Tài nguyên và Môi trường

- . *Cung cấp đủ số liệu, chính xác, kịp thời làm cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành:*
 - *Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp*
 - *Xây dựng quy hoạch khai thác, chế biến khoáng sản, khu công nghiệp*
 - *Quản lý, điều chỉnh địa giới hành chính các cấp*
 - *Quy hoạch phát triển vùng kinh tế trọng điểm, hợp tác liên vùng*
 - *Ban hành kịp thời các Quyết định xử lý vi phạm: Các đơn vị, cá nhân khai thác trái phép khoáng sản, gây ô nhiễm, sử dụng đất trái phép, giải quyết khiếu nại, tố cáo . . .*
 - *Đề xuất với Chính phủ về biện pháp bảo vệ quyền lợi, chủ quyền Việt Nam, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới lãnh hải*
 - *Theo dõi chất lượng, lưu lượng nước của các sông, lưu vực sông (kể cả các sông xuyên biên giới), đề xuất biện pháp bảo vệ*
 - *Dự báo kịp thời tình hình thời tiết phục vụ phòng chống thiên tai . . .*

V. Chính phủ điện tử phục vụ công tác quản lý ngành Tài nguyên và Môi trường (tiếp)

. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành:

- Nâng cao năng suất lao động*
- Góp phần cải tiến quy trình, đẩy nhanh tốc độ cải cách hành chính.*
- Tạo ý thức trách nhiệm, làm việc nhóm, nâng cao kỹ năng làm việc.*
- Ngăn ngừa được các biểu hiện tiêu cực.*

. Phục vụ người dân, doanh nghiệp:

- Các thủ tục liên quan đến các lĩnh vực TN&MT như: Cấp phép khai thác, chế biến khoáng sản, xả thải, khai thác sử dụng tài nguyên nước... Được thực hiện nhanh, kịp thời.

- Đáp ứng nhu cầu tiếp cận sử dụng thông tin dữ liệu TN&MT.

- Công khai, minh bạch các quy hoạch, các thủ tục hành chính, các số liệu giảm tối đa phiền hà cho doanh nghiệp và công dân

V. Chính phủ điện tử phục vụ công tác quản lý ngành Tài nguyên và Môi trường (tiếp)

. Cung cấp dữ liệu nền địa lý phục vụ các ngành

- Bộ Công thương: Khai thác, chế biến khoáng sản, Quy hoạch ngành điện...

- Bộ Xây dựng: Thiết kế quy hoạch, quản lý quy hoạch...

- Bộ Nông nghiệp và PTNT: Quy hoạch phân vùng đất lúa, nuôi trồng thủy sản...

- Bộ Tài chính: Thu thuế sử dụng đất...

- Bộ Công an: Quản lý địa bàn dân cư, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội...

- Bộ Giao thông: Quy hoạch, quản lý mạng lưới giao thông...

- Bộ Quốc phòng: Xây dựng phương án đảm bảo kết hợp kinh tế với an ninh, quốc phòng, phòng chống bạo động

- Bộ Ngoại giao: Có đủ số liệu để đàm phán Biên giới trên bộ và bảo vệ chủ quyền lãnh hải.

VI. Bài học kinh nghiệm

- *Phải có thiết kế mang tính tổng thể, toàn diện*
- *Huy động đủ nguồn nhân lực và được đào tạo bài bản, có chuyên môn đáp ứng yêu cầu*
- *Xây dựng được lộ trình thực thi hợp lý, không nóng vội*
- *Luôn nghiên cứu, đi trước đón đầu về công nghệ*
- *Sẵn sàng ứng dụng công nghệ mới để điều chỉnh các dự án thực hiện hợp lý, không được bảo thủ.*
- *Ban hành được các văn bản quản lý, hướng dẫn kỹ thuật đầy đủ, chi tiết để người thực thi dễ dàng thực hiện;*

ví dụ: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 Về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường; Bộ TN&MT phải nghiên cứu, ban hành ngay thông tư hướng dẫn số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP của Chính phủ

VI. Bài học kinh nghiệm

- Đơn vị làm chủ đầu tư dự án tổng thể phối hợp chặt chẽ với các lĩnh vực (đầu mối quản lý dữ liệu của các lĩnh vực) trong việc xây dựng các phương án kỹ thuật tuân thủ chặt chẽ kiến trúc chung của toàn hệ thống, đảm bảo cho việc tích hợp dữ liệu thông qua các chuẩn (chuẩn trao đổi dữ liệu, chuẩn công nghệ, ...)
- Xây dựng các quy chế quản lý dự án quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên tham gia dự án
- Phải có hình thức quản lý dự án hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất trong suốt quá trình triển khai dự án (nên theo hình thức quản lý vốn đầu tư như Nghị định 102/2009/NĐ-CP)
- Đáp ứng đủ kinh phí theo kế hoạch thi công trong dự án.
- Kiểm soát chất lượng chặt chẽ, đơn vị thi công chỉ được thanh toán kinh phí khi sản phẩm đạt yêu cầu

VII. Kiến nghị

- Chính phủ ban hành chiến lược và đưa ra lộ trình xây dựng hạ tầng thông tin không gian quốc gia Việt Nam(NSDI), các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tham gia và hưởng lợi
- Có văn bản pháp lý phân cấp quản lý thông tin
- Có cơ chế chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, huy động nguồn lực tài chính để các thành phần kinh tế cùng tham gia.
- Ban hành các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn nội dung dữ liệu, trao đổi dữ liệu làm nền tảng tích hợp và chia sẻ thông tin
- Cần tập trung kinh phí đầu tư hoàn thành từng dự án, theo thứ tự ưu tiên, không dàn trải
- Có biện pháp bắt buộc thủ trưởng các cơ quan quan tâm thực hiện ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước theo lộ trình Chính phủ đã ban hành
- Thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm triển khai ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước
- CIO phải là người tâm huyết, có chuyên môn, đủ thẩm quyền quyết định .

VII. Kiến nghị

- *Khuyến khích áp dụng công nghệ mới một cách hiệu quả, phát triển các ứng dụng trên phần mềm mã mở*
- *Mỗi Bộ ngành, địa phương tùy theo dung lượng dữ liệu xây dựng 01 trung tâm dữ liệu cỡ nhỏ hoặc trung bình phục vụ cập nhật, xử lý, chia sẻ thông tin. Chính phủ (giao Bộ Thông tin và truyền thông) xây dựng 01 trung tâm dữ liệu lớn ở nơi địa chất ổn định làm nhiệm vụ back up dữ liệu (định kỳ) cho các Bộ ngành, địa phương trên cả nước*



Trân trọng cảm ơn!